TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 3 - 2026
V/v "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Lài

2. Ông Nguyễn Hoài Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Xuân, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số150A/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 27/3/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ẩ, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Khu V, phường T, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt
2. Bị đơn: Bà Đinh Thị Y B, sinh năm 2003.
Địa chỉ: Khu V, phường T, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/01/2026 và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ẩ trình bày có nội dung như sau:

Qua tìm hiểu quen biết nhau được thời gian ngắn thì ông Ẩ bà B kết hôn trên ở sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, thành phố Cần Thơ vào ngày 22/05/2023.

Trong quá trình chung sống với nhau, ông Ẩ và bà B phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên bất hòa với nhau trong cuộc sống, hiện tại hai người không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể nào hàn gắn được với nhau. Vào khoảng cuối tháng 01/2025 thì bà B bỏ đi để lại hai người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 01/4/2023, và Nguyễn Thị Trúc M, sinh ngày 22/3/2024 cho ông Ẩ nuôi dưỡng cho đến nay.

Hiện nay các cháu Ngọc T và Trúc M đang sống với ông Ẩ rất tốt và phát triển bình thường, bà B không chăm sóc các cháu từ nhỏ, nên ông Ẩ muốn được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành. Mặt khác, từ lúc bà B bỏ đi cho đến nay, bà không có liên lạc hay thăm nom các bé, tất cả mọi việc chăm sóc con đều do ông Ẩ nuôi dưỡng và chăm sóc.

Nay, ông Ẩ yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ chấp nhận cho ông được ly hôn, chấm dứt tình trạng hôn nhân với bà Đinh Thị Y B, theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

Về con chung: Sau khi ly hôn ông Ẩ sẽ tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà B cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Văn Ẩ với bà Đinh Thị Y B chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, ông Ẩ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quy định tại Điều 53 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về tố tụng: Ông Ẩ có đơn xin xét xử vắng mặt, về phía bị đơn Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn tố tụng cho phía bị đơn theo luật định, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Trên cơ sở đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bên

đương sự theo thủ tục chung được quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa Ông Nguyễn Văn Ẩ với bà Đinh Thị Y B xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp theo quy định pháp luật. Do đó, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, theo như ông Ẩ trình bày thì trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra tranh chấp, bất đồng quan điểm sống. Đặc biệt, là hơn một năm qua, bà B bỏ đi, không quan tâm chăm sóc con cái, để ông một mình chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Từ đó, cho thấy bà B không làm tròn trách nhiệm và nghĩa vụ đối với gia đình, con cái, làm cho mục đích hôn nhân của vợ chồng không đạt được, tình trạng hôn nhân đã thực sự trầm trọng. Vì vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Đối với con chung: Các con còn nhỏ, hiện đang do ông Ẩ trực tiếp nuôi dưỡng ổn định; xét điều kiện thực tế và nguyện vọng của nguyên đơn là phù hợp, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên nên cần chấp nhận theo yêu cầu của ông Ẩ, và không buộc bà B phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Ẩ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 53, 56, 80,81, 82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Nguyễn Văn Ẩ được ly hôn với bà Đinh Thị Y B

Về con chung: có 02 người, tên Nguyễn Thị Ngọc T (nữ), sinh ngày 01/4/2023 và Nguyễn Thị Trúc M (nữ), sinh ngày 22/3/2024. Hiện đang sống chung với ông Ẩ, giao cho ông Ẩ tiếp tục nuôi dưỡng các cháu đến trưởng thành, bà B không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho bà B theo quy định chung của pháp luật.

Tài sản chung và nợ chung: ông Ẩ khai nhận không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[2] Về án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Ẩ có nghĩa vụ nộp. Chuyển số tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai thu số 0003716 ngày 26/02/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Cần Thơ (công nhận ông Ẩ đã nộp xong)

[3] Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND KV2 - Cần Thơ;
- Phòng THADS KV 2- Cần Thơ;
- UBND P Thới Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Mẫn